

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-4-2025
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Yến.
- Ông Đinh Xuân Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố E, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Tấn N, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị M trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Võ Tấn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Càng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do ông N làm nghề tài xế xe Bắc Nam, thường xuyên đi làm xa nhà, thời gian đầu ông N cũng thường xuyên về nhà nhưng 03 tháng sau đó, ông

N bỏ đi không về, bà M nhiều lần liên hệ cho ông N nhưng không được. Đến tháng 9 năm 2024 ông N gọi cho bà M yêu cầu làm đơn ly hôn. Giữa bà M và ông N không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng do ông N bỏ đi, không nói gì với bà M và từ đó cả hai sống ly thân; trong thời gian sống ly thân, cả hai không liên lạc, không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà M xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn với ông Võ Tấn N.

- Về con chung: Bà Phạm Thị M và ông Võ Tấn N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – ông Võ Tấn N: Quá trình giải quyết vụ án xác định ông Võ Tấn N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận nhưng ông N làm nghề tài xế xe Bắc Nam nên ít khi có mặt ở địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do đó, không có lời khai của ông N trong hồ sơ vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Phạm Thị M cung cấp các tài liệu, chứng cứ: 01 bản sao chứng thực căn cước công dân mang tên Phạm Thị M; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

- Ông Võ Tấn N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân và nơi cư trú của ông N tại địa phương.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Võ Tấn N.

Về án phí: Bà Phạm Thị M phải nộp phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xem xét xét xử vắng mặt nguyên đơn Phạm Thị M và bị đơn Võ Tấn N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị M:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Võ Tấn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 06/5/2022. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau nhưng sau đó vì bất đồng quan điểm mà xảy ra mâu thuẫn.

Tại biên bản xác minh ngày 06/02/2025 thể hiện: Bà M và ông N trước đây chung sống tại xóm A, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Bà M và ông N chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì bà M bỏ đi, ông N cũng rất ít khi ở địa phương. Bà M và ông N hiện không còn chung sống với nhau.

Xét thấy: Sau một thời gian ngắn chung sống với nhau thì ông N và bà M sống mỗi người một nơi và bắt đầu sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, bà M và ông N không còn liên lạc, quan tâm hay chăm sóc lẫn nhau. Bà M xác định không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn với ông N. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà M, ông N không có hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông Võ Tấn N.

[3.2] *Về con chung*: Bà Phạm Thị M và ông Võ Tấn N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị M và ông Võ Tấn N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Cần buộc bà Phạm Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Võ Tấn N.
- *Về án phí*: Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0006279, ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND thị trấn T, huyện H;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Mận